

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG NỀN TẢNG VÀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN CONTAINER (3PL – ADV – Sàn)

Số:/HĐNT/2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ, vận tải đường bộ, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu, thanh toán không dùng tiền mặt và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ nhu cầu hợp tác giữa Các Bên trong việc sử dụng nền tảng ContainerGo để kết nối, điều phối, theo dõi, đối soát và thực hiện dịch vụ vận chuyển container đường bộ;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, Các Bên gồm có:

BÊN A: 3PL THAM GIA NỀN TẢNG

Tên đơn vị	
Địa chỉ	
Mã số thuế	
Đại diện	
Chức vụ	
Điện thoại	
Email	
Tài khoản ngân hàng	
Vai trò mặc định	☐ Sử dụng dịch vụ vận chuyển ☐ Trực tiếp vận chuyển ☐ Cả hai vai trò tùy giao dịch

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE

Địa chỉ	BT 4E - 11&12, Đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	0103683340
Đại diện	Nguyễn Xuân Trúc
Chức vụ	Tổng giám đốc
Điện thoại	0986839665
Tài khoản ngân hàng	0571100999002 - TMCP Quân đội, CN Hoàn Kiếm

BÊN C: CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS

Địa chỉ	Số nhà 329, Đường ống nước thô D2400mm, Khu phố Đông
----------------	--

	Tác, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế	3703416984
Đại diện	Trần Văn Thái
Chức vụ	Giám đốc
Điện thoại	0981135379
Tài khoản ngân hàng	795888888889 - TMCP Quân đội, CN Nguyễn Tri Phương, TP.HCM

Bên A, Bên B và Bên C sau đây gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “Các Bên”.

Điều 1. Giải thích vai trò và thuật ngữ

1.1. Trong Hợp đồng này: (i) Bên C là đơn vị sở hữu, quản trị và vận hành nền tảng ContainerGo; (ii) Bên B là đầu mối thương mại, điều phối giao dịch, đối soát, thanh toán và thực hiện xuất hóa đơn theo từng giao dịch phù hợp; (iii) Bên A là 3PL tham gia nền tảng, có thể là bên sử dụng dịch vụ vận chuyển, bên trực tiếp thực hiện vận chuyển hoặc đồng thời thực hiện cả hai vai trò tùy theo từng giao dịch được xác nhận.

1.2. “Nền tảng” hoặc “ContainerGo” là hệ thống phần mềm, website, ứng dụng, API, cổng kết nối, cơ sở dữ liệu và các công cụ điện tử liên quan do Bên C quản lý, vận hành hoặc kiểm soát hợp pháp.

1.3. “Đơn hàng” là yêu cầu vận chuyển container được tạo lập và xác nhận trên nền tảng hoặc qua thông điệp dữ liệu hợp lệ, bao gồm tối thiểu điểm nhận, điểm giao, loại container, thời gian, giá cước, phụ phí, khoản chi hộ, yêu cầu vận hành và các điều kiện liên quan.

1.4. “Vai trò giao dịch” là vai trò cụ thể của Bên A trong từng giao dịch được xác nhận và được khóa trên nền tảng/xác nhận giao dịch trước khi thực hiện, bao gồm: (i) bên sử dụng dịch vụ vận chuyển; hoặc (ii) bên trực tiếp thực hiện vận chuyển. Mỗi giao dịch chỉ có 01 vai trò chính của Bên A, trừ khi Các Bên có thỏa thuận riêng bằng văn bản cho giao dịch đặc thù.

1.5. “POD” là chứng từ xác nhận giao nhận/hoàn tất giao dịch, có thể ở dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử hợp lệ theo quy trình của Bên B/Bên C.

1.6. “Bảng kê” là bảng tổng hợp giao dịch, giá trị thanh toán, phụ phí, khoản chi hộ, khoản khấu trừ, khoản bù trừ, thuế và các nghĩa vụ tài chính liên quan trong kỳ đối soát.

Điều 2. Mục đích, phạm vi hợp tác và nguyên tắc pháp lý

2.1. Các Bên thống nhất hợp tác để sử dụng nền tảng ContainerGo trong việc tạo đơn hàng, kết nối nhu cầu vận chuyển, phân bổ phương tiện, theo dõi trạng thái đơn hàng, đối soát và thanh toán các giao dịch vận chuyển container đường bộ.

2.2. Hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc. Giá cước, tuyến vận chuyển, thời gian thực hiện, yêu cầu riêng, phụ phí và khoản chi hộ được xác định theo báo giá, phụ lục, xác nhận giao dịch trên sàn hoặc thông điệp dữ liệu được Các Bên chấp thuận.

2.3. Trong từng giao dịch, nghĩa vụ của Bên A được xác định theo vai trò giao dịch đã được khóa tại thời điểm xác nhận đơn hàng. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ thì Bên A có nghĩa vụ của khách hàng/3PL thuê dịch vụ; khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển thì Bên A có nghĩa vụ của nhà vận tải. Vai trò giao dịch không được thay đổi sau khi giao dịch đã được xác nhận, trừ khi Các Bên thống nhất điều chỉnh bằng thông điệp dữ liệu hoặc văn bản hợp lệ trước khi phát hành bảng kê.

2.4. Hợp đồng này không làm phát sinh quan hệ lao động, liên doanh, đại lý độc quyền hoặc pháp nhân mới giữa Các Bên.

2.5. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng này và một xác nhận giao dịch cụ thể, xác nhận giao dịch cụ thể được ưu tiên áp dụng đối với giao dịch đó, với điều kiện không trái quy định pháp luật bắt buộc.

Điều 3. Điều kiện tham gia, thông tin/hồ sơ pháp lý và cam kết của Bên A

3.1. Bên A cam kết có đầy đủ tư cách pháp lý, ngành nghề kinh doanh phù hợp, thẩm quyền ký kết và năng lực thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và từng giao dịch.

3.2. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A chịu trách nhiệm cung cấp thông tin đơn hàng đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa, chứng từ, lệnh giao/nhận và các yêu cầu đặc thù của lô hàng.

3.3. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A phải duy trì đầy đủ hồ sơ pháp lý, giấy phép/điều kiện vận tải, hồ sơ phương tiện, hồ sơ tài xế, bảo hiểm, đăng ký/đăng kiểm, phù hiệu và các giấy tờ cần thiết theo quy định pháp luật; đồng thời phải có tài liệu chứng minh quyền sử dụng, điều động hoặc ủy quyền hợp pháp đối với phương tiện, tài xế và nhà thầu phụ (nếu có).

3.4. Khi có thay đổi về thông tin pháp lý, người đại diện, phương tiện, tài xế, tài khoản ngân hàng hoặc giấy tờ pháp lý, Bên A phải cập nhật cho Bên B/Bên C trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.

3.5. Bên A chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và còn hiệu lực của toàn bộ hồ sơ/thông tin đã cung cấp; nếu thông tin sai, thiếu, hết hiệu lực làm phát sinh thiệt hại, xử phạt hoặc không thể thanh toán/ghi nhận chi phí, Bên A phải chịu trách nhiệm tương ứng và bồi hoàn cho Bên B/Bên C.

Điều 4. Nguyên tắc tạo lập, xác nhận và thực hiện đơn hàng

4.1. Đơn hàng được tạo, xác nhận và quản lý trên nền tảng ContainerGo hoặc qua các kênh điện tử được Bên C chấp nhận như email, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc văn bản điện tử khác.

4.2. Giao dịch phát sinh khi đơn hàng được xác nhận trên sàn hoặc được xác nhận điện tử hợp lệ bởi Bên A và Bên B/Bên C. Bên A không được viện dẫn lý do chưa có văn bản giấy để từ chối trách nhiệm đối với đơn hàng đã xác nhận hợp lệ bằng phương thức điện tử.

4.3. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A phải phối hợp bố trí giao/nhận hàng, cung cấp chứng từ và xác nhận hiện trường theo yêu cầu giao dịch.

4.4. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A phải thực hiện vận chuyển đúng thông tin đơn hàng, cập nhật trạng thái, hình ảnh, POD, sự cố phát sinh, dữ liệu vị trí và các dữ liệu liên quan lên hệ thống theo hướng dẫn vận hành.

4.5. Dữ liệu ghi nhận trên nền tảng của Bên C được xem là căn cứ ưu tiên để xác định trạng thái giao dịch, với điều kiện dữ liệu đó được trích xuất từ hệ thống gốc, còn nguyên vẹn và có thể kiểm tra đối chiếu. Trường hợp có chênh lệch hoặc tranh chấp, Các Bên phải đối chiếu đồng thời với POD, dữ liệu GPS, email/thông điệp dữ liệu, ảnh hiện trường, EIR/biên bản giao nhận (nếu có) và các chứng từ liên quan khác để xác định sự thật giao dịch.

4.6. Bên A không được tự ý hủy đơn hàng, từ chối thực hiện đơn hàng đã xác nhận hoặc chuyển giao toàn bộ hay một phần đơn hàng cho bên thứ ba nếu chưa được Bên B chấp thuận bằng văn bản hoặc trên hệ thống; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ/nhà xe phụ trợ đã được Bên B phê duyệt trước hoặc phê duyệt điện tử theo từng đơn, Bên A vẫn chịu trách nhiệm cuối cùng đối với toàn bộ hành vi và nghĩa vụ của bên được huy động.

4.7. Quy trình xử lý sự cố, issue và tổn thất trong quá trình vận chuyển

Khi phát sinh sự cố, issue, tổn thất, khiếu nại hoặc bất thường trong quá trình thực hiện đơn hàng, bao gồm nhưng không giới hạn: no-show, hủy chuyến, chậm giao, giao sai, sai điểm nhận/trả, tai nạn, hư hỏng hàng hóa/container, sai/mất seal, thiếu POD/GPS/EIR, thiếu hình ảnh/chứng từ, phụ phí phát sinh hoặc sai lệch dữ liệu/log hệ thống, Các Bên thực hiện theo **Quy trình kiểm soát issue/tổn thất trong quá trình vận chuyển** do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Tùy theo vai trò của Bên A trong từng giao dịch, Bên A có trách nhiệm phối hợp xử lý tương ứng: khi là bên sử dụng dịch vụ, Bên A phải cung cấp, xác minh thông tin đơn hàng, chứng từ, chỉ dẫn giao/nhận, xác nhận hiện trường và các chứng cứ liên quan; khi là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A phải thông báo kịp thời, phối hợp mở ticket, khóa chứng cứ, cung cấp POD, EIR, GPS, hình ảnh, biên bản hiện trường, thông điệp dữ liệu và các chứng từ liên quan.

Việc xác định trách nhiệm, tạm giữ thanh toán, khấu trừ, bù trừ hoặc bồi thường chỉ được thực hiện trên cơ sở vai trò giao dịch đã xác nhận, chứng cứ hợp lệ, phạm vi lỗi thực tế và phần giá trị trực tiếp liên quan đến sự cố.

Điều 5. Giá cước, phụ phí, khoản chi hộ và chứng từ

5.1. Giá cước vận chuyển và điều chỉnh theo biến động nhiên liệu

Giá cước vận chuyển của từng giao dịch được xác định theo Hợp đồng, phụ lục giá, báo giá, bảng giá, chính sách giá, xác nhận giao dịch trên Nền tảng hoặc thỏa thuận hợp lệ khác giữa Các Bên. Trường hợp Các Bên đã có thỏa thuận riêng về giá cố định, bảng giá riêng hoặc cơ chế điều chỉnh giá riêng theo từng khách hàng, tuyến vận chuyển hoặc giai đoạn áp dụng, giá cước và việc điều chỉnh giá được thực hiện theo thỏa thuận riêng đó.

Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, giá cước vận chuyển được xác lập trên cơ sở đơn giá nhiên liệu dầu DO do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá. Khi đơn giá nhiên liệu dầu DO do Petrolimex công bố tăng hoặc giảm quá 5% so với đơn giá nhiên liệu cơ sở dùng để xác lập giá cước hiện tại, giá cước vận chuyển được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cước mới} = \text{Giá cước hiện tại} + (\text{Giá cước hiện tại}) \times 35\% \times \frac{(\text{Giá dầu mới} - \text{Giá dầu cơ sở})}{\text{Giá dầu cơ sở}}$$

Trong đó :

Giá dầu cơ sở là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá cước hiện tại;

Giá dầu mới là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm điều chỉnh;

35% là tỷ trọng chi phí nhiên liệu được Các Bên thống nhất dùng làm cơ sở tính mức điều chỉnh giá cước.

Căn cứ điều chỉnh giá là thông báo giá xăng dầu chính thức của Petrolimex được công bố trên website www.petrolimex.com.vn hoặc nguồn công bố chính thức khác của Petrolimex tại từng thời điểm. Giá cước điều chỉnh có hiệu lực kể từ thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực theo thông báo của Petrolimex, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

Giá cước điều chỉnh chỉ áp dụng đối với các đơn hàng/chuyến vận chuyển chưa bắt đầu thực hiện, chưa điều xe thực tế, chưa nhận container/hàng hóa hoặc chưa được xác nhận ở trạng thái đang thực hiện/đang vận chuyển trên Nền tảng hoặc theo xác nhận vận hành tương ứng. Các chuyến vận chuyển đã bắt đầu thực hiện, đang vận chuyển, đã giao hàng hoặc đã hoàn tất trước thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực không bị điều chỉnh hồi tố, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc xác nhận hợp lệ.

5.2. Phụ phí và khoản chi hộ hợp lệ phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch chỉ được chấp nhận khi có xác nhận theo quy trình của Bên B/Bên C và có chứng từ phù hợp.

5.3. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A có trách nhiệm thanh toán giá cước, phụ phí và khoản chi hộ hợp lệ theo xác nhận giao dịch.

5.4. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các chứng từ, hình ảnh, hóa đơn, biên nhận, chứng từ thanh toán và tài liệu liên quan để chứng minh tính hợp lệ của phụ phí/khoản chi hộ. Trường hợp thiếu chứng từ, chứng từ không hợp lệ hoặc nộp chậm, Bên B có quyền từ chối thanh toán phần giá trị tương ứng.

5.5. Trừ khi có thỏa thuận khác, giá cước và phụ phí được hiểu là chưa bao gồm thuế GTGT áp dụng theo quy định pháp luật đối với chủ thể có nghĩa vụ thuế tương ứng.

5.6. Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container khi trả rỗng tại depot

Trường hợp trong quá trình trả rỗng container tại depot phát sinh yêu cầu cước, tạm thu, sửa chữa, vệ sinh, cleaning, detention hoặc khoản chi khác liên quan đến tình trạng container, Các Bên thực hiện theo **Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container tại depot khi trả rỗng** do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A có trách nhiệm phối hợp xác minh, cung cấp DO/eDO, Storing Order, thông tin depot trả rỗng, thời hạn free time/detention, chứng từ liên quan và phản hồi/phê duyệt kịp thời đối với khoản chi hộ/tạm ứng thuộc trách nhiệm của Bên A hoặc trường hợp chưa đủ căn cứ xác định trách nhiệm tại thời điểm phát sinh.

Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A, tài xế, điều phối hoặc nhân sự do Bên A huy động không được tự ý nộp tiền, ký nhận lỗi, cam kết bồi thường hoặc thanh toán vào tài khoản cá nhân khi chưa có phê duyệt hợp lệ của Bên B/Bên C hoặc bên có thẩm quyền theo quy trình.

Mọi khoản chi tại depot chỉ được xem là chi hộ/tạm ứng để xử lý hiện trường, không đồng nghĩa với việc xác nhận trách nhiệm cuối cùng. Trách nhiệm tài chính cuối cùng được xác định sau khi đối chiếu vai trò giao dịch, Laden EIR, MT EIR, hình ảnh, biên bản depot, chứng từ thanh toán và các chứng cứ liên quan.

Điều 6. Đối soát, hóa đơn, khấu trừ và thanh toán

6.1. Việc đối soát được thực hiện theo từng chuyến sau khi chuyến hoàn tất, trên cơ sở trạng thái đơn hàng, POD, dữ liệu GPS, xác nhận điện tử, EIR/biên bản giao nhận/ảnh hiện trường (nếu có) và các chứng từ liên quan. Trường hợp giao dịch theo nguyên container, nguyên seal, chứng cứ về tình trạng container, số seal, thời điểm nhận/giao và biên bản bất thường tại hiện trường là căn cứ ưu tiên khi xác định trách nhiệm.

6.2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày bảng kê tháng được chốt, Bên A và/hoặc Bên B có trách nhiệm kiểm tra, phản hồi xác nhận hoặc nêu rõ nội dung cần điều chỉnh theo đúng vai trò của mình trong từng giao dịch. Trường hợp trong cùng một kỳ Bên A phát sinh đồng thời giao dịch ở vai trò bên sử dụng dịch vụ và bên trực tiếp vận chuyển, việc đối soát phải được tách riêng theo từng vai trò hoặc theo mã giao dịch/ledger độc lập. Quá thời hạn này mà không có ý kiến thì bảng kê tương ứng với từng vai trò được coi là đã được chấp thuận.

6.3. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi bảng kê được xác nhận hoặc mặc nhiên được chấp thuận, Bên B phát hành hóa đơn cho Bên A theo giá trị Bên A phải thanh toán.

6.4. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi bảng kê được xác nhận hoặc mặc nhiên được chấp thuận, Bên A phát hành hóa đơn/chứng từ hợp lệ cho Bên B theo giá trị phải thanh toán cho Bên A, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận hợp pháp khác.

6.5. Thời hạn thanh toán được xác định theo vai trò của Bên A trong từng giao dịch và theo xác nhận trên sàn, báo giá hoặc phụ lục. Nếu không có thỏa thuận riêng:

(i) khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, khách hàng lẻ/khách hàng không được cấp hạn mức công nợ phải thanh toán ngay sau khi hàng/container được giao hoàn tất hoặc ngay khi hệ thống phát sinh yêu cầu thanh toán hợp lệ; khách hàng lớn/khách hàng được cấp hạn mức công nợ thanh toán trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn hợp lệ và bảng kê đã chốt;

(ii) khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển hoặc bên cung cấp dịch vụ vận chuyển, phần giá trị dịch vụ vận chuyển của Bên A được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ hóa đơn/chứng từ hợp lệ và bảng kê đã chốt;

(iii) các khoản thu hộ/chi hộ hợp lệ, đã được phê duyệt và có chứng từ phù hợp, được thanh toán hoặc hoàn trả trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ chứng từ hợp lệ và khoản thu hộ/chi hộ đó được xác nhận trên hệ thống hoặc trong bảng kê.

6.6. Bên B có quyền khấu trừ, bù trừ, tạm giữ hoặc trì hoãn thanh toán đối với phần giá trị đang tranh chấp, chưa đủ chứng từ, có dấu hiệu gian lận có căn cứ hợp lý, vi phạm quy trình, no-show, hủy chuyển trái quy định, gây thiệt hại cho giao dịch hoặc còn nghĩa vụ tài chính chưa hoàn thành; việc tạm giữ hoặc bù trừ phải được giới hạn trong phạm vi giá trị liên quan trực tiếp đến khoản tranh chấp hoặc khoản nợ đã được xác định theo đúng vai trò giao dịch.

6.7. Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do bên thụ hưởng hợp pháp theo từng giao dịch đăng ký/thông báo hợp lệ; việc thanh toán, cần trừ hoặc bù trừ chỉ có giá trị khi gắn đúng với vai trò giao dịch, bảng kê đã chốt và hồ sơ thanh toán hợp lệ.

6.8. Cơ chế giữ tiền, trích phí và phân chia dòng tiền giao dịch

(a) Bên A đồng ý rằng tùy theo vai trò của Bên A trong từng giao dịch, việc thanh toán có thể được thực hiện thông qua tài khoản đảm bảo thanh toán, tài khoản giữ tiền giao dịch, ví/tài khoản định danh, cổng thanh toán hoặc giải pháp thanh toán do Bên B, Bên C hoặc đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán được Bên B/Bên C chỉ định vận hành hoặc hỗ trợ kỹ thuật.

(b) Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ vận chuyển, Bên A có nghĩa vụ thanh toán hoặc nạp tiền theo giá trị giao dịch, bao gồm giá cước vận chuyển, phụ phí hợp lệ, khoản chi hộ hợp lệ, thuế, phí nền tảng/phí dịch vụ/phí xử lý thanh toán, khoản dự phòng phát sinh và các khoản phải trả khác theo báo giá, phụ lục, bảng kê hoặc xác nhận giao dịch trên nền tảng.

(c) Khi Bên A là bên trực tiếp thực hiện vận chuyển, Bên A chỉ được nhận thanh toán sau khi giao dịch hoàn tất, có POD/chứng từ hợp lệ, dữ liệu vận hành đầy đủ, hóa đơn/chứng từ hợp lệ nếu có nghĩa vụ phát hành, bảng kê đã được đối soát và không còn tranh chấp/tạm giữ hợp lệ.

(d) Trường hợp trong cùng một kỳ đối soát Bên A vừa có khoản phải thu vừa có khoản phải trả, Bên A đồng ý cho phép Bên B/Bên C thực hiện cần trừ, bù trừ hoặc phân bổ dòng tiền trên cơ sở bảng kê đã chốt, dữ liệu giao dịch, phụ lục thương mại và xác nhận hợp lệ trên nền tảng.

(e) Bên A đồng ý để Bên B/Bên C và/hoặc đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán thực hiện việc trích phí, khấu trừ, bù trừ, phân bổ, hoàn tiền hoặc giải ngân cho các bên liên quan theo vai trò giao dịch của Bên A, bao gồm phí nền tảng/phí dịch vụ, phí ngân hàng, phí cổng thanh toán, thuế, phụ phí/khoản chi hộ, khoản phạt, bồi thường, công nợ, khoản tạm ứng hoặc nghĩa vụ tài chính hợp lệ khác.

(f) Trường hợp giao dịch phát sinh tranh chấp, thiếu POD, thiếu chứng từ, phát sinh khiếu nại, no-show, hủy chuyến trái quy định, nghĩa vụ bồi thường hoặc dấu hiệu gian lận, Bên B/Bên C có quyền yêu cầu tiếp tục giữ lại toàn bộ hoặc một phần khoản tiền liên quan, điều chỉnh phân bổ dòng tiền hoặc tạm dừng giải ngân cho đến khi vụ việc được xử lý xong.

(g) Đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán, nếu có, chỉ tham gia trong phạm vi cung cấp giải pháp kỹ thuật, tài khoản thanh toán, thu hộ/chi hộ, giữ tiền giao dịch, đối soát hoặc hỗ trợ phân bổ dòng tiền theo thỏa thuận với Bên B/Bên C; không được hiểu là bên vận chuyển, bên sở hữu hàng hóa hoặc bên chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện dịch vụ vận chuyển, trừ khi có thỏa thuận riêng bằng văn bản.

Điều 7. Nghĩa vụ thuế, hóa đơn và chứng từ thanh toán

7.1. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ thuế, hóa đơn, chứng từ, kê khai doanh thu/chi phí và lưu trữ hồ sơ kế toán của mình theo quy định pháp luật.

7.2. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên B có trách nhiệm phát hành hóa đơn cho Bên A theo giá trị dịch vụ Bên A phải thanh toán.

7.3. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A có trách nhiệm phát hành hóa đơn/chứng từ hợp lệ cho Bên B theo giá trị dịch vụ Bên A cung cấp trên cơ sở bảng kê đã chốt theo đúng vai trò giao dịch đã được khóa; Bên B chỉ thanh toán trên cơ sở bảng kê đã chốt và hóa đơn/chứng từ hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật hoặc thỏa thuận giao dịch cho phép áp dụng cơ chế khác. Trường hợp trong cùng một kỳ Bên A đồng thời phát sinh giao dịch ở hai vai trò, việc lập hóa đơn, đối soát và thanh toán phải được tách riêng theo từng vai trò hoặc theo mã giao dịch/ledger độc lập.

7.4. Trường hợp một Bên cung cấp sai, thiếu, chậm hóa đơn/chứng từ hoặc làm phát sinh truy thu, xử phạt, không được ghi nhận chi phí, không được khấu trừ thuế hoặc gây thiệt hại cho Bên còn lại/Bên C, Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm tương ứng và bồi hoàn phần thiệt hại phát sinh.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Bên A có quyền sử dụng nền tảng, nhận hỗ trợ vận hành trong phạm vi dịch vụ và tham gia giao dịch với vai trò chủ hàng/khách hàng, nhà vận tải hoặc cả hai vai trò tùy theo từng giao dịch được xác nhận.

8.2. Khi Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin đơn hàng đầy đủ, chính xác; phối hợp giao/nhận hàng, ký nhận, xác nhận hiện trường, phản hồi bảng kê và thanh toán đúng hạn.

8.3. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A có nghĩa vụ bố trí phương tiện, tài xế, thực hiện vận chuyển đúng yêu cầu đơn hàng, cập nhật trạng thái/POD/dữ liệu GPS, duy trì hồ sơ pháp lý hợp lệ và chịu trách nhiệm đối với nhân sự, tài xế, nhà thầu phụ hoặc bên thứ ba do mình huy động.

8.4. Bên A có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, nhà vận tải, tuyến vận chuyển, lịch sử giá, dữ liệu vận hành và thông tin trên nền tảng.

8.5. KPI/SLA áp dụng đối với Bên A

Bên A có trách nhiệm tuân thủ các chỉ tiêu KPI/SLA tương ứng với vai trò của mình trong từng giao dịch. Trường hợp Bên A là bên sử dụng dịch vụ, Bên A áp dụng các KPI/SLA dành cho Chủ hàng/khách hàng. Trường hợp Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A áp dụng các KPI/SLA dành cho Nhà vận tải. Trường hợp trong cùng một giao dịch Bên A đồng thời thực hiện nhiều vai trò, KPI/SLA được áp dụng tương ứng với từng phạm vi nghĩa vụ thực tế của Bên A.

Kết quả KPI/SLA được đánh giá theo chu kỳ hằng tháng trên cơ sở dữ liệu ghi nhận trên Nền tảng, log hệ thống, GPS, POD, EIR, bảng kê, chứng từ thanh toán, ticket xử lý issue, biên bản hiện trường, email, thông điệp dữ liệu và các tài liệu hợp lệ khác.

VAI TRÒ CHỦ HÀNG :

STT	Chỉ tiêu KPI	Định nghĩa/Cách đo	Mức tiêu chuẩn	Biện pháp xử lý khi vi phạm
1	Tỷ lệ hủy chuyển/cont hàng	Số chuyển/cont hàng bị Chủ hàng hủy sau xác nhận ÷ Tổng số chuyển/cont hàng đã xác nhận đầu thầu thành công trong kỳ.	≤ 5%	Chủ hàng thanh toán các chi phí phát sinh hợp lý do việc hủy chuyển gây ra, nếu có chứng từ/chứng cứ hợp lệ; Bên B/Bên C có quyền giảm mức độ ưu tiên tiếp nhận đơn hàng hoặc yêu cầu đặt cọc/thanh toán trước đối với các giao dịch tiếp theo.
2	Tuân thủ SLA thời gian lên/xuống hàng tại kho/nhà máy	Số chuyển,cont hàng có thời gian lên xuống hàng vượt quá SLA ÷ Tổng số chuyển/cont hàng thực hiện trong kỳ.	=< 5%	Chủ hàng thanh toán phí chờ xe, neo xe, lưu container hoặc chi phí phát sinh hợp lý theo bảng giá, báo giá hoặc xác nhận giao dịch; trường hợp tái diễn, Bên B/Bên C có quyền điều chỉnh điều kiện phục vụ hoặc chính sách giá.
3	Tỷ lệ tuân thủ SLA phản hồi đối soát POD/ bảng kê	Số yêu cầu phản hồi đúng SLA (đối soát, xác nhận POD) ÷ Tổng số yêu cầu thuộc diện phải phản hồi trong kỳ.	≥ 95%	Quá thời hạn phản hồi mà Chủ hàng không có ý kiến hợp lệ thì POD/bảng kê được xem là đã được chấp thuận; các điều chỉnh phát sinh sau thời hạn phản hồi chỉ được xem xét nếu có chứng cứ hợp lệ và được Bên B/Bên C chấp thuận.
4	Tỷ lệ thanh toán đúng hạn	Giá trị hoặc số hóa đơn/bảng kê được thanh toán đúng hạn ÷ Tổng giá trị hoặc tổng hóa đơn/bảng kê đến hạn trong kỳ.	≥ 98%	Bên B có quyền tạm dừng xác nhận đơn hàng mới, thu hẹp hoặc tạm dừng hạn mức công nợ, yêu cầu thanh toán trước, tính lãi chậm trả và/hoặc áp dụng biện pháp thu hồi công nợ theo Hợp đồng.

VAI TRÒ NHÀ VẬN TẢI :

STT	Chỉ tiêu KPI	Định nghĩa / cách đo	Mức tiêu chuẩn	Biện pháp xử lý khi vi phạm
1	Tỷ lệ đáp ứng phương tiện trên sàn(chuyển/cont đã chốt thầu)	Số chuyển(cont) chốt thầu được hoàn thành ÷ Tổng số chuyển(cont) đã xác nhận trong kỳ.	≥ 97%	Nhắc nhở/yêu cầu giải trình; nếu tái diễn, giảm mức độ ưu tiên phân đơn, yêu cầu CAPA (Corrective Action and Preventive Action) hoặc tạm dừng nhận chuyển mới tùy mức độ ảnh hưởng.

2	Tỉ lệ tuân thủ update trạng thái cont trên app tài xế	Số lần update muộn, thiếu ÷ Tổng số chuyển thực hiện	=< 5%	Yêu cầu bổ sung/cập nhật dữ liệu; tính điểm vi phạm KPI; trường hợp ảnh hưởng đối soát, POD hoặc claim, Bên B có quyền tạm giữ phần giá trị liên quan cho đến khi hồ sơ được hoàn tất.
3	Tuân thủ chính sách an toàn	Tỉ lệ số lần vi phạm chính sách an toàn của phương tiện, tài xế tại các điểm giao/nhận cont(có biên bản vi phạm) ÷ Tổng số chuyển thực hiện	=< 2%	Yêu cầu khắc phục, thay tài xế/phương tiện, cập nhật hồ sơ kiểm soát; trường hợp vi phạm nghiêm trọng, Bên B có quyền tạm dừng phân đơn hoặc chấm dứt quyền tham gia giao dịch theo Hợp đồng
4	Tuân thủ SLA xử lý issue	Số lần phản hồi,xử lý issue trễ(so với SLA cam kết) ÷ Tổng số issue ticket	=< 5%	Yêu cầu giải trình/CAPA; giảm mức độ ưu tiên phân đơn; trường hợp gây phát sinh chi phí, tổn thất hoặc chậm trễ, Nhà vận tải chịu trách nhiệm đối với phần thiệt hại trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh.
5	POD return	Tỉ lệ chuyển update/hoàn trả POD chính xác, đúng hạn ÷ Tổng số chuyển thực hiện	>= 95%	Tạm giữ thanh toán đối với chuyển thiếu POD hoặc POD không hợp lệ; chỉ mở thanh toán khi hồ sơ được bổ sung đầy đủ. Trường hợp tái diễn, áp dụng giảm ưu tiên phân đơn hoặc yêu cầu CAPA.

Các trường hợp bất khả kháng, lỗi hệ thống, lỗi của depot, cảng, hãng tàu, cơ quan chức năng, lỗi của bên thứ ba hoặc nguyên nhân khách quan nằm ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của Bên A sẽ không được tính là vi phạm KPI/SLA của Bên A, với điều kiện Bên A đã thông báo kịp thời và cung cấp chứng cứ phù hợp.

Trường hợp Bên A không đạt KPI/SLA trong vai trò bên sử dụng dịch vụ, Bên B/Bên C có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp quản lý phù hợp, bao gồm: nhắc nhở, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục, điều chỉnh điều kiện phục vụ, điều chỉnh mức độ ưu tiên tiếp nhận đơn hàng, tạm dừng xác nhận giao dịch mới, thu hẹp hoặc tạm dừng hạn mức công nợ, yêu cầu thanh toán trước hoặc áp dụng biện pháp khác theo Hợp đồng.

Trường hợp Bên A không đạt KPI/SLA trong vai trò bên trực tiếp vận chuyển, Bên B/Bên C có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp quản lý phù hợp, bao gồm: nhắc nhở, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục/CAPA, điều chỉnh xếp hạng vận hành, giảm mức độ ưu tiên phân đơn, giới hạn tuyến/nhóm hàng được nhận, tạm dừng xác nhận chuyển mới, tạm khóa tài khoản vận hành hoặc áp dụng biện pháp khác theo Hợp đồng.

Việc áp dụng phạt vi phạm, tạm giữ, khấu trừ, bù trừ, bồi thường hoặc yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh chỉ được thực hiện khi có căn cứ xác định lỗi, nghĩa vụ tài chính hoặc thiệt hại trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh. Đối với các giao dịch hoặc khoản giá trị không liên quan đến nội dung tranh chấp, Các Bên vẫn thực hiện đối soát và thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

8.6. Trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, Bên A không được sử dụng thông tin, dữ liệu, giá cước, đơn hàng, tuyến vận chuyển, khách hàng, nhà vận tải, 3PL, chủ hàng, nhà cung cấp, đối tác hoặc bất kỳ đầu mối giao dịch nào do Bên B/Bên C cung cấp, giới thiệu, kết nối hoặc phát sinh từ Nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Nền tảng, phí dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán, đối soát hoặc các nghĩa vụ khác với Bên B/Bên C; quy định này không áp dụng đối với các mối quan hệ đã tồn tại độc lập trước khi được chia sẻ trên Nền tảng, các giao dịch do Bên A tự phát triển độc lập mà không sử dụng thông tin/dữ liệu của Nền tảng, hoặc trường hợp được Bên B/Bên C chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B và Bên C

9.1. Bên B có trách nhiệm tiếp nhận, điều phối, tổ chức thực hiện các đơn hàng đã xác nhận; làm đầu mối thương mại, xuất hóa đơn/thanh toán theo vai trò giao dịch và phối hợp với Bên C trong việc quản lý giao dịch, xử lý phát sinh, đối soát và thanh toán.

9.2. Bên B có quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin đơn hàng, chứng từ, hồ sơ phương tiện/tài xế, hóa đơn/chứng từ và dữ liệu vận hành cần thiết tùy theo vai trò của Bên A trong từng giao dịch.

9.3. Bên C có trách nhiệm duy trì, quản trị và vận hành nền tảng ContainerGo; ghi nhận dữ liệu giao dịch; hỗ trợ tra cứu trạng thái, đối soát, cảnh báo, lưu vết thông điệp dữ liệu và hỗ trợ người dùng trong phạm vi hợp lý.

9.4. Bên C là đơn vị vận hành nền tảng, không trực tiếp là bên vận chuyển và không trực tiếp chiếm hữu hàng hóa, nên không chịu trách nhiệm như bên vận chuyển, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh trực tiếp do lỗi kỹ thuật của nền tảng do Bên C kiểm soát.

9.5. Bên B/Bên C có quyền từ chối phân đơn, tạm dừng tài khoản, ngừng hợp tác hoặc áp dụng biện pháp quản trị rủi ro nếu Bên A không đáp ứng điều kiện pháp lý, không đạt yêu cầu vận hành hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gian lận hay gây rủi ro nghiêm trọng cho hệ thống.

Điều 10. Trách nhiệm hàng hóa, bảo hiểm và khiếu nại

10.1. Bên trực tiếp thực hiện vận chuyển chịu trách nhiệm đối với hàng hóa kể từ thời điểm nhận hàng/container đến thời điểm giao hoàn tất theo dữ liệu giao nhận và chứng từ liên quan. Đối với giao dịch vận chuyển nguyên container, nguyên seal, trách nhiệm trước hết được xác định theo tình trạng bên ngoài của container, số seal, EIR/POD, ảnh hiện trường và biên bản giao nhận tại thời điểm nhận và giao; trường hợp container và seal vẫn nguyên vẹn theo chứng từ bàn giao thì bên trực tiếp vận chuyển không mặc nhiên chịu trách nhiệm đối với tổn thất nội tại bên trong container, trừ khi có chứng cứ chứng minh lỗi thuộc quá trình vận chuyển.

10.2. Khi Bên A là bên trực tiếp vận chuyển, Bên A có trách nhiệm mua và duy trì đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định pháp luật; trường hợp giao dịch có yêu cầu bảo hiểm trách nhiệm đối với hàng hóa hoặc bảo hiểm bổ sung, yêu cầu đó phải được ghi rõ trong báo giá, xác nhận giao dịch hoặc phụ lục và chi phí bảo hiểm được xác định rõ trước khi thực hiện chuyển.

10.3. Khi xảy ra mất mát, hư hỏng, giao sai, chậm giao hoặc sự cố vận hành do lỗi của bên trực tiếp vận chuyển, bên có lỗi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế, hợp lý và trực tiếp phát sinh, bao gồm cả khoản bồi thường mà Bên B và/hoặc Bên C đã phải thanh toán cho khách hàng có liên quan trên cơ sở hồ sơ, chứng từ và căn cứ chứng minh phù hợp.

10.4. Bên A có trách nhiệm thông báo ngay, và trong mọi trường hợp không muộn hơn 02 giờ kể từ khi phát hiện sự cố nghiêm trọng, cho Bên B/Bên C; đồng thời phối hợp với bảo hiểm, cơ quan chức năng, khách hàng/chủ hàng và các bên liên quan để xử lý tổn thất phát sinh từ giao dịch của mình.

10.5. Thời hạn khiếu nại liên quan đến mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt hàng hóa là 15 ngày kể từ ngày hoàn tất giao hàng, trừ khi pháp luật hoặc thỏa thuận giao dịch cụ thể quy định thời hạn khác.

Điều 11. Kiểm tra, đối chiếu dữ liệu và quyền giám sát

11.1. Trong thời hạn Hợp đồng và trong thời gian hợp lý sau khi Hợp đồng chấm dứt để phục vụ đối soát, thuế, kiểm toán hoặc giải quyết tranh chấp, Các Bên có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ, log, dữ liệu và giải trình liên quan đến giao dịch đã thực hiện.

11.2. Bên được yêu cầu có trách nhiệm phản hồi trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc có thỏa thuận khác.

11.3. Việc một Bên kiểm tra, xác minh hoặc không kiểm tra hồ sơ của Bên còn lại không làm giảm trừ trách nhiệm độc lập của Bên cung cấp đối với tính chính xác, hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đó.

Điều 12. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giới hạn trách nhiệm

12.1. Trường hợp một Bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo Hợp đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp phù hợp: yêu cầu khắc phục, tạm dừng giao dịch, tạm giữ/cản trở thanh toán, khóa tài khoản, chấm dứt Hợp đồng, phạt vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

12.2. Đối với hành vi hủy chuyển trái quy định, no-show, tự ý chuyển giao đơn hàng, vi phạm bảo mật, lách sàn hoặc hành vi gây rủi ro đáng kể cho hệ thống, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng phạt vi phạm tối đa theo mức pháp luật cho phép trên phần nghĩa vụ vi phạm, đồng thời không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.

12.3. Bồi thường chỉ áp dụng đối với thiệt hại thực tế, trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh; không Bên nào chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gián tiếp, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh hoặc thiệt hại về uy tín, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có hành vi gian lận/cố ý vi phạm.

12.4. Trừ trường hợp gian lận, cố ý vi phạm, vi phạm bảo mật, lách sàn, sử dụng hồ sơ giả, vi phạm nghĩa vụ thuế, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được đối soát/chốt hoặc gây thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe, tổng trách nhiệm của Bên B phát sinh từ Hợp đồng này, nếu có, không vượt quá tổng giá trị dịch vụ vận chuyển, phụ phí và khoản thanh toán có liên quan trực tiếp trong 03 tháng gần nhất trước thời điểm phát sinh tranh chấp; tổng trách nhiệm của Bên C, nếu có, không vượt quá tổng giá trị phí nền tảng/phí công nghệ liên quan trực tiếp trong cùng thời kỳ. Giới hạn trách nhiệm của Bên B và Bên C được áp dụng riêng biệt, không cộng gộp.

Điều 13. Dữ liệu, bảo mật, tài khoản và chống lách sàn

13.1. Các Bên đồng ý sử dụng email, thông báo trên nền tảng, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc các phương thức điện tử khác để tạo đơn, xác nhận giao dịch, cập nhật trạng thái, gửi bảng kê, phản hồi đối soát và trao đổi vận hành. Các Bên thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu theo Luật Giao dịch điện tử 2023.

13.2. Thông điệp dữ liệu, log hệ thống, lịch sử thao tác, email công vụ, dữ liệu GPS, API logs, POD điện tử, ảnh hiện trường và dữ liệu điện tử được trích xuất từ ContainerGo có giá trị làm căn cứ xác minh giao dịch và chứng cứ khi cần thiết theo quy định pháp luật. Khi phát sinh tranh chấp, thứ tự ưu tiên đối chiếu gồm: (i) log hệ thống gốc của ContainerGo; (ii) POD, EIR, biên bản giao nhận hoặc ảnh hiện trường; (iii) dữ liệu GPS và API logs; (iv) email công vụ và thông điệp dữ liệu liên quan, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác cho giao dịch cụ thể.

13.3. Các Bên có trách nhiệm bảo mật tài khoản, mật khẩu, khóa kết nối, dữ liệu khách hàng, dữ liệu nhà vận tải, lịch sử giá, thông tin vận hành và không được chia sẻ cho bên thứ ba trái phép. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm trong phạm vi dữ liệu do mình kiểm soát trực tiếp; trường hợp một Bên xử lý dữ liệu thay mặt Bên khác thì chỉ được xử lý theo phạm vi, mục đích và chỉ dẫn hợp pháp của Bên đó. Khi phát sinh sự cố dữ liệu có khả năng ảnh hưởng đến Bên còn lại, Bên phát hiện phải thông báo trong thời gian sớm nhất hợp lý.

13.4. Không Bên nào được sử dụng dữ liệu, thông tin khách hàng hoặc nhà vận tải, tuyến vận chuyển, lịch sử giá, đầu mối vận hành hoặc thông tin khác có được từ nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Bên B hoặc Bên C, trừ trường hợp chứng minh được quan hệ đó đã tồn tại độc lập trước thời điểm tiếp cận thông tin từ nền tảng hoặc được Bên có quyền chấp thuận bằng văn bản.

13.5. Nghĩa vụ bảo mật và chống lách sàn tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt. Việc chấm dứt Hợp đồng không làm chấm dứt các nghĩa vụ đã phát sinh trước ngày chấm dứt, bao gồm đối soát, thanh toán, cung cấp chứng từ, xử lý khiếu nại, bồi thường và giải quyết tranh chấp. Nghĩa vụ lưu trữ log, chứng từ điện tử và dữ liệu giao dịch được duy trì trong 12 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch cuối cùng, hoặc theo thời hạn dài hơn nếu pháp luật bắt buộc. Việc lưu trữ và cung cấp dữ liệu chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết, phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu và quy định pháp luật.

13.6. Quản lý và sử dụng dữ liệu GPS/API của phương tiện

Bên A đồng ý kết nối và chia sẻ dữ liệu GPS/API của các phương tiện đăng ký tham gia Nền tảng để phục vụ việc điều phối, theo dõi hành trình, xác minh trạng thái vận chuyển, đối soát, xử lý sự cố, khiếu nại và tranh chấp liên quan đến các đơn hàng do Bên A thực hiện trên Nền tảng.

Bên B/Bên C chỉ được thu thập, truy cập và sử dụng dữ liệu GPS/API trong phạm vi cần thiết cho các mục đích nêu trên; không được sử dụng, khai thác, chia sẻ hoặc chuyển giao dữ liệu này cho mục đích ngoài Nền tảng, đặc biệt trong thời gian phương tiện không thực hiện đơn hàng trên Nền tảng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, hoặc việc sử dụng dữ liệu là cần thiết để xử lý sự cố, khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ giao dịch đã thực hiện.

Bên C phối hợp với Bên A và/hoặc đơn vị cung cấp GPS/API để triển khai chức năng cho phép Bên A chủ động bật/tắt hoặc tạm ngắt kết nối GPS/API đối với phương tiện không thực hiện đơn hàng trên Nền tảng. Bên A không được tự ý tắt, ngắt, can thiệp hoặc làm sai lệch dữ liệu GPS/API trong thời gian đang thực hiện đơn hàng đã xác nhận, trừ trường hợp có lý do hợp lệ và được Bên B/Bên C chấp thuận.

Điều 14. Bất khả kháng

14.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên bị ảnh hưởng, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiên tai, cháy nổ lớn, chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh nghiêm trọng, quyết định của cơ quan nhà nước, sự cố hạ tầng giao thông hoặc sự cố hệ thống trên diện rộng ngoài khả năng kiểm soát của Bên liên quan.

14.2. Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên còn lại trong thời hạn sớm nhất có thể và nỗ lực tối đa để giảm thiểu thiệt hại. Nghĩa vụ bị ảnh hưởng được tạm hoãn trong phạm vi và thời gian chịu tác động trực tiếp của sự kiện bất khả kháng.

14.3. Bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản đã phát sinh, nghĩa vụ bảo mật, nghĩa vụ cung cấp chứng từ và các nghĩa vụ khác theo bản chất vẫn phải tiếp tục thực hiện.

Điều 15. Hiệu lực, chấm dứt, giải quyết tranh chấp và điều khoản cuối cùng

15.1. Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký điện tử hoặc ngày ký trực tiếp đầu tiên. Nếu hết thời hạn mà Các Bên vẫn tiếp tục giao dịch và không có văn bản chấm dứt thì Hợp đồng được gia hạn tự động từng năm.

15.2. Mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên còn lại vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cơ bản và không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục; hoặc khi một Bên không còn đủ điều kiện pháp lý để tiếp tục thực hiện Hợp đồng; hoặc khi việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng có nguy cơ làm một Bên vi phạm quy định bắt buộc của pháp luật.

15.3. Khi Hợp đồng chấm dứt, Các Bên vẫn phải hoàn tất các nghĩa vụ còn tồn đọng về đối soát, bảng kê, hóa đơn, thanh toán, bảo mật, bồi thường, thuế và xử lý dữ liệu phát sinh trước ngày chấm dứt.

15.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng thiện chí trong vòng 30 ngày. Nếu không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh VCCI theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC; địa điểm trọng tài tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; ngôn ngữ tổ tụng là tiếng Việt; luật áp dụng là pháp luật Việt Nam. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp. Mỗi Bên vẫn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ dữ liệu, chứng cứ, hàng hóa hoặc quyền tài sản hợp pháp của mình.

15.5. Các Bên thống nhất rằng Hợp đồng này, phụ lục, báo giá, đơn hàng điện tử, kết quả khớp lệnh trên sàn, bảng kê, email xác nhận, thông điệp dữ liệu hợp lệ, quy trình vận hành, checklist, biểu mẫu và các quy trình được dẫn chiếu trong Hợp đồng là toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến nội dung hợp tác. Trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng và quy trình vận hành, nội dung Hợp đồng được ưu tiên áp dụng; đối với các vấn đề vận hành chưa được quy định chi tiết trong Hợp đồng, Các Bên thực hiện theo quy trình tương ứng đang có hiệu lực tại thời điểm phát sinh sự kiện.

15.6. Hợp đồng có thể được ký bằng chữ ký số, chữ ký điện tử hoặc bằng phương thức xác nhận điện tử trên nền tảng. Hợp đồng và tài liệu điện tử được xác lập hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản giấy theo quy định pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau nếu ký bản giấy; trường hợp ký điện tử, mỗi Bên được quyền lưu trữ một bản điện tử để thực hiện.

BÊN A 3PL	BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE	BÊN C CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)